

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 06-6-2024

V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Tạ Thị Hương.
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Đỗ Đức Thâm; ông Vũ Văn Thoa
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Trong hai ngày 09/5 và 06/6/2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXX-DS, ngày 24/4/2024, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 40/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn 5, xã Q, thị xã B, tỉnh T (có mặt)

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (chồng)

Chị Cao Thị T, sinh năm 1983 (vợ)

Đều trú tại: thôn 5, xã Q, thị xã B, tỉnh T

(chị T uỷ quyền cho anh T theo giấy uỷ quyền ngày 08/03/2024 có xác nhận của UBND xã Q, TX B, tỉnh T), anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 14/11/2011 anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T có vay của bà số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để trang trải việc gia đình, hẹn đến ngày 04/12/2011 sẽ trả. Quá trình Toà án giải quyết, bà H thừa nhận anh T và chị T đã trả được 11 triệu, còn nợ lại số tiền 9.000.000đ. Sau khi trả tiền cho bà chị T đã viết vào sổ của bà là “còn nợ lại 9 triệu thắm”, giấy này chị T viết vào sổ ghi nợ của bà, viết vào ngày 2/9 năm sau, tức là năm 2012, bà đã cắt ra và nộp cho

Toà án. Đến nay, bà đề nghị Toà án giải quyết buộc anh T và chị T phải trả cho bà số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Tại biên bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2024, quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn- anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2012, vợ chồng anh có vay hộ cho bạn tiền của bà Nguyễn Thị H là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với lãi suất 2.000đ/ngày/1 triệu. Giấy vay không ghi lãi suất nhưng thực tế vợ chồng anh đã trả cho bà H số tiền là 27.000.000đ. Khi trả nợ, gia đình anh không có giấy trả nợ. Quá trình Tòa án giải quyết, anh trình bày số tiền anh còn nợ bà H là 9.000.000đ (chín triệu đồng) trong đó số tiền gốc là 5.000.000đ, còn lại là tiền lãi. Anh chỉ nhất trí trả cho bà H số tiền gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 3 năm 2024, chị Cao Thị T trình bày: vào năm 2012 vợ chồng chị vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Vợ chồng chị vay với lãi suất thoả thuận là 2.000đ/ngày/1 triệu. Năm 2013, anh Tuấn (là người nhờ anh T, chị T vay tiền hộ) có đưa cho chị số tiền 15.000.000đ trả tiền gốc cho bà H. Sau khi trả số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), hai bên có chốt lại số tiền vợ chồng chị còn nợ lại bà Huế là 9.000.000đ, trong đó 5.000.000đ là tiền gốc. Chị T đã ghi vào sổ của bà Huế, chị chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền là 5.000.000đ tiền gốc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T và chị T phải trả cho bà số tiền là 9.000.000đ, không đề nghị tính lãi suất. Anh Nguyễn Văn T chỉ nhất trí trả số tiền gốc cho bà H là 5.000.000đ. Quá trình Tòa án giải quyết anh Thiệp cho rằng giấy viết tay do bà H xuất trình có nội dung “*còn nợ lại 9 triệu thắm*” không phải chữ của chị T vợ anh và có đơn đề nghị giám định chữ viết để xác định có phải chữ viết của vợ anh hay không. Tuy nhiên, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu anh nộp tạm ứng chi phí giám định nhưng anh không nộp tạm ứng chi phí giám định. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: việc bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T phải trả số tiền vay bà là 9.000.000đ là quan hệ pháp luật “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Anh T và chị T có địa chỉ tại thôn 5 xã Q, thị xã B, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn.

[2] Về nội dung: căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: ngày 14 tháng 11 năm 2011, anh T và chị Thẩm có vay của bà H số tiền 20.000.000đ, giấy vay không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 04/12/2011. Bà H khai, gia đình chị T và anh T đã trả được 11 triệu, hai bên đã chốt số tiền anh T và chị T còn nợ bà là 9.000.000đ và đã viết vào sổ của bà. Bà H khai, khoảng hơn một năm sau chị T trả cho bà 11.000.000đ và chị T chốt lại số nợ trong sổ của bà với nội dung: “*còn nợ lại 9 triệu thẩm*”.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T khai, có vay số tiền trên hộ cho bạn và đã trả cho bà H 27.000.000đ cả tiền lãi và gốc, nhưng khi trả tiền không có giấy tờ chứng minh, bản thân bà H không thừa nhận. Tại biên bản tự khai ngày 22/3/2024, chị T khai, đã trả cho bà H là 15.000.000đ và chốt số tiền còn lại là 9.000.000đ trong sổ của bà H, trong đó có 5.000.000đ tiền gốc. Anh T và chị T không có giấy tờ khi trả tiền cho bà H, bản thân bà Huế không thừa nhận, giấy vay nợ không ghi lãi suất, nên HĐXX không có căn cứ để xem xét số tiền anh T và chị T đã trả lãi cho bà Huế như đã khai báo.

Căn cứ vào giấy viết tay do chị T viết trong sổ ghi nợ của bà Nguyễn Thị H mà bà Huế xuất trình có nội dung “*còn nợ lại 9 triệu thẩm*”, ban đầu anh T cho rằng không phải chữ của vợ anh và có đơn đề nghị giám định chữ viết của chị T, nhưng anh không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên HĐXX căn cứ vào giấy này buộc anh T và chị T phải trả cho bà H số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng) là phù hợp với các quy định của pháp luật. Về lãi suất bà Huế không đề nghị nên không xét.

[3]. Về án phí: anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; 280; 357; 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm b Mục 1.3 phần II án phí Dân sự ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, buộc anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T không trả số nợ trên cho bà Nguyễn Thị H (hoặc trả không đầy đủ) thì hằng tháng, anh T và chị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả của số tiền chưa trả được, tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất được tính bằng $\frac{1}{2}$ mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị T phải liên đới nộp tiền án phí DSST là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (06/6/2024).

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bim Sơn;
- Đương sự;
- Chi cục THA Dân sự TX Bim Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương